

Số: 507/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 14 tháng 4 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011- 2015**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 267/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 34/TTr-LĐTĐBXH ngày 01/04/2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình Bảo vệ trẻ em tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011- 2015 (có Chương trình cụ thể kèm theo)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành của tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Lao động-TBXH;
- Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VX.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thanh Trà**

**CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ TRẺ EM  
TỈNH YÊN BÁI GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 507/QĐ -UBND, ngày 14/4/2011  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)*

**Phần I**

**TỔNG QUAN VỀ TRẺ EM VÀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC  
BẢO VỆ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2001 - 2010**

**I. TÌNH HÌNH TRẺ EM CỦA TỈNH**

**1. Tình hình trẻ em**

Năm 2010: số trẻ em dưới 16 tuổi là 221.068 (chiếm 29,36% tổng dân số), trong đó: nam: 114.407 (bằng 51,75%), nữ 106.661 (bằng 48,25%), trẻ em dưới 1 tuổi là 15.026, trẻ em dưới 6 tuổi là 85.264. So với đầu kỳ (năm 2001) số trẻ em dưới 16 tuổi giảm gần 8.000 em do kết quả của việc thực hiện chính sách Dân số- kế hoạch hóa gia đình. Người vị thành niên từ 16 đến dưới 18 tuổi cần quan tâm chăm sóc như đối với trẻ em theo số liệu thống kê năm 2010 là 50.626, trong đó nam: 26.883, nữ: 23.743. Như vậy tổng số người chưa thành niên chiếm trên 36% tổng dân số toàn tỉnh.

**2. Thực trạng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt**

Theo kết quả điều tra đánh giá vào tháng 6 năm 2010, số lượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em toàn tỉnh là: 2.584 em, chiếm khoảng 0,34% dân số và chiếm khoảng 1,16 % dân số trong độ tuổi trẻ em; trong đó trẻ khuyết tật 1.489 em (mức độ nặng và vừa chiếm 8,6%), trẻ em mồ côi không nơi nương tựa: 881 em; trẻ em bị bỏ rơi 76; trẻ nhiễm chất độc hóa học: 13 em.

Ngoài các nhóm đối tượng trên còn xuất hiện thêm các nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn khác: trẻ em sống trong gia đình nghèo: 19.160; trẻ em có nguy cơ phải lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm là 1.208 em.

So với đầu kỳ thì số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đã giảm 908 em (số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đầu kỳ: 3.393 em, năm 2010 còn 2.584 em); trẻ em con gia đình nghèo đầu kỳ có trên 20 nghìn em, năm 2010 còn 19 nghìn em giảm trên 1 nghìn em. Chủ yếu giảm số trẻ em khuyết tật, trẻ em bị ảnh hưởng bởi chất độc hóa học, trẻ em nghèo. Tuy nhiên, bên cạnh đó nhóm đối tượng trẻ em có hoàn cảnh khó khăn khác lại tăng lên nhiều như trẻ em có nguy cơ phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS.

**II. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ TRẺ EM**

**1. Công tác chỉ đạo và điều hành**

Trong 10 năm qua, được sự quan tâm của Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cũ), tỉnh Yên Bái đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em

(BVCSTE), chỉ đạo sự phối hợp giữa các ngành chức năng thực hiện có hiệu quả các mục tiêu chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2001-2010, đồng thời thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, đây cũng là hoạt động nổi bật trong lĩnh vực công tác BVCSTE.

Đồng thời đã đẩy mạnh tuyên truyền chính sách, pháp luật về BVCSTE, cung cấp kiến thức, kỹ năng cho gia đình và trẻ em để ngăn ngừa nguy cơ trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt. Thực hiện tuyên truyền thường xuyên qua các cơ quan thông tin đại chúng; công tác truyền thông bước đầu đã được chú trọng phát huy sự tham gia của trẻ em thông qua việc tổ chức nhiều diễn đàn, câu lạc bộ, ngoại khoá trong trường học, lồng ghép trong sinh hoạt hè... đẩy mạnh phong trào xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em trên phạm vi toàn tỉnh.

Vận động các cơ quan, doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm đỡ đầu, giúp đỡ trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật, trẻ em con gia đình nghèo; hàng năm trao hàng nghìn suất quà, học bổng, quần áo sách vở học tập cho đối tượng này. Thực hiện các chính sách miễn giảm học phí, các khoản đóng góp xây dựng trường lớp cho trẻ em gia đình nghèo, hoàn cảnh đặc biệt.

## **2. Tổ chức cán bộ và kinh phí**

- Tổ chức cán bộ: Cơ quan quản lý nhà nước về BVCSTE mặc dù có sự thay đổi về tổ chức cán bộ 2 lần trong giai đoạn 2001 - 2010 nhưng đã sớm ổn định và phát huy được vai trò chức năng trong việc tham mưu, tổ chức triển khai kế hoạch, truyền thông vận động xã hội, huy động nguồn lực..

- Kinh phí: Giai đoạn 2001- 2010, tổng hợp các nguồn lực dành cho việc thực hiện các mục tiêu vì trẻ em trên địa bàn tỉnh đạt trên 1.054.540 triệu đồng.

Trong đó: + Ngân sách trung ương: 794.175 triệu  
+ Ngân sách địa phương: 137.365 triệu  
+ Viện trợ quốc tế: 123.000 triệu.

Đầu tư từ ngân sách riêng cho lĩnh vực BVCSTE có hoàn cảnh đặc biệt trong 10 năm qua là: 7.500 triệu đồng. Ngoài ra, bằng nguồn huy động cộng đồng thông qua quỹ Bảo trợ trẻ em và các quỹ từ thiện có liên quan ở các cấp trong 10 năm đã huy động trên 16 tỷ đồng cho sự nghiệp BVCSTE.

Tổng ngân sách đầu tư cho việc thực hiện các mục tiêu vì trẻ em của địa phương và huy động nguồn lực quốc tế, cộng đồng có mức tăng đáng kể qua các năm. Vấn đề xã hội hóa công tác BVCSTE ngày càng được quan tâm đạt được nhiều kết quả tích cực.

## **3. Kết quả thực hiện công tác bảo vệ trẻ em 2001 - 2010**

Các hoạt động thuộc Chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống buôn bán phụ nữ trẻ em, Đề án ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em bị xâm phạm tình dục được triển khai đồng bộ như: kiện toàn tổ chức và hoạt động của các ban chỉ đạo, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục phòng ngừa, đấu tranh và xử lý nghiêm minh các vụ việc xâm hại trẻ em, trợ giúp nạn nhân phục hồi hòa nhập cộng đồng, quản lý và giáo dục trẻ em vi phạm pháp luật tại trường giáo dưỡng và tại xã, phường, xây dựng các mô hình phòng ngừa, giải quyết dựa vào cộng đồng, phòng chống bạo lực gia đình đối với phụ nữ và trẻ em... Do đó, tình hình tội phạm xâm hại trẻ em đã từng bước được khống chế, có chiều hướng giảm dần trong các năm gần đây.

Thực hiện Nghị định 67/2007/NĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, có 622 trẻ được nuôi dưỡng tại cộng đồng với mức hỗ trợ là từ 120.000đ - 240.000đ/ tháng; trong 10 năm Trung tâm Bảo trợ xã hội đã nuôi dưỡng 678 lượt trẻ em hoàn cảnh đặc biệt tại trung tâm; Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục, hòa nhập trẻ em khuyết tật đã nhận trên 250 em nuôi dưỡng và giáo dục tập trung.

Bên cạnh đó, có 1.857 trẻ em khuyết tật được phẫu thuật tật vận động, mắt, khe hở môi- hàm ếch, tim bẩm sinh miễn phí, phục hồi chức năng hòa nhập cộng đồng; trên 2.300 trẻ em được nhận đỡ đầu, được trao học bổng, hỗ trợ phương tiện đi lại, được đưa ra khỏi công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm, hỗ trợ học nghề, tạo công ăn việc làm. 100% nhiễm HIV/AIDS được theo dõi quản lý chữa bệnh; việc chống phân biệt kỳ thị với trẻ em nhiễm HIV/AIDS đã được quan tâm.

Thực hiện Công văn 654-CV/TU ngày 6/7/1999 của Tỉnh ủy về phân công ngành phụ trách xã, đỡ đầu trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; qua hơn 10 năm đã có trên 1.500 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được các cơ quan, đơn vị, cá nhân đỡ đầu bằng các hình thức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng, hỗ trợ điều kiện học tập, sinh hoạt tặng sổ tiết kiệm, học bổng...vào ngày lễ, tết hàng năm đã có hàng nghìn trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được các cấp lãnh đạo thăm hỏi, động viên, tặng quà.

Đến nay, tỷ lệ trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc giúp đỡ thường xuyên đạt 92,5%, trẻ em khuyết tật được chăm sóc đạt 80,0%. Trẻ em thuộc đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện chế độ trợ cấp nuôi dưỡng đạt 87%, không có đối tượng trẻ em nghiện hút dưới 16 tuổi; rất ít đối tượng trẻ em lang thang (trong 10 năm có 12 trẻ) và 100% các trẻ này đều được trợ giúp.

Tính chung tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc giúp đỡ đạt 89,0% so với đầu kỳ tăng 39,0 %, gần đạt mục tiêu đề ra.

#### **4. Những hạn chế trong công tác bảo vệ trẻ em**

- Công tác truyền thông, vận động, nâng cao năng lực tuy đã được tăng cường nhưng chưa đủ sâu rộng để làm chuyên biến đáng kể nhận thức, ý thức trách nhiệm của người dân, cũng như trách nhiệm của chính quyền, ban ngành đoàn thể cơ sở. Công tác phối hợp liên ngành, có nơi còn chưa thật chặt chẽ và còn thiếu đồng bộ, hay còn mang tính văn bản, thiếu hoạt động hiệu quả cụ thể.

- Xuất hiện thêm các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt mới cần bảo vệ như trẻ em bị bạo lực, ngược đãi, bị buôn bán, hậu quả của ly hôn, di cư, bị tai nạn thương tích nặng.... Tỷ lệ trẻ em chưa được khai sinh đúng tuổi, tình hình xâm hại trẻ em, nhất là xâm hại tình dục; trẻ em phạm các tội nghiêm trọng, tình hình trẻ em nông thôn vùng cao, vùng khó khăn phải lao động sớm, nặng nhọc vẫn thường xuyên diễn ra. Bên cạnh đó, trẻ em con các hộ gia đình nghèo với số lượng lớn, tuy đã được quan tâm, song thiếu nhiều cơ hội được phát triển bình đẳng với các trẻ em khác. Trẻ em chưa có nhiều kỹ năng để tự bảo vệ mình; đồng thời kỹ năng làm việc với trẻ em của cán bộ có liên quan còn hạn chế.

- Kết quả thực hiện một số quyền và mục tiêu vì trẻ em còn hạn chế, công tác xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em còn chưa được quan tâm đúng mức.

#### **5. Nguyên nhân của những hạn chế trong công tác bảo vệ trẻ em**

- Nguyên nhân khách quan là do nền kinh tế của tỉnh còn chậm phát triển, điểm xuất phát thấp, chưa tạo ra được nguồn thu lớn; đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nhất là địa bàn nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng xa vì vậy việc đầu tư ngân sách và huy động đóng góp của nhân dân cho công tác BVCSSTE tuy đã



có nhiều cố gắng song còn hạn chế chưa đáp ứng yêu cầu.

Ở vùng cao, dân tộc thiểu số dân cư phân tán, trình độ dân trí phát triển không đồng đều, địa bàn phức tạp, đi lại khó khăn, còn một số phong tục tập quán lạc hậu nên việc triển khai các nhiệm vụ BVCSTE còn nhiều khó khăn.

- Bên cạnh đó, còn có những nguyên nhân chủ quan đó là nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền, cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa thật sự đầy đủ, chưa quán triệt sâu sắc các quan điểm của Đảng về ý nghĩa chiến lược của sự nghiệp BVCSTE cũng như trách nhiệm pháp lý của mình đối với sự nghiệp này.

Trong chỉ đạo điều hành còn chưa đề ra những giải pháp và biện pháp tích cực, cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề bức xúc của trẻ em ở mỗi địa phương cơ sở, còn có biểu hiện khoán cho chuyên môn. Tư tưởng trông chờ, ỷ lại đầu tư của nhà nước, còn khá phổ biến, chưa phát huy được mạnh mẽ nội lực từ cộng đồng về trí lực, nhân lực cho công tác này. Mặt khác do công tác BVCSTE rất rộng, liên quan nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, đến mỗi gia đình và mỗi thành viên trong xã hội vừa mang tính quản lý nhà nước vừa mang tính chất vận động xã hội trong khi đó chức năng điều phối của cơ quan chuyên trách còn hạn chế.

Một số ít ngành chức năng chưa nhận thức đầy đủ về trách nhiệm thực hiện mục tiêu do ngành mình phụ trách và trong công tác phối hợp. Trong chỉ đạo triển khai nhiệm vụ chuyên môn còn thiếu kế hoạch và biện pháp cụ thể nhằm tăng cường công tác quản lý chỉ đạo theo quan điểm dành ưu tiên cho trẻ em.

- Do nhiều lần thay đổi về tổ chức, cho nên cán bộ làm công tác trẻ em còn thiếu hụt về số lượng và hạn chế chất lượng, nhất là tuyến huyện và cơ sở. Từ năm 2008 không còn hệ thống cộng tác viên về BVCSTE tại cơ sở. Hệ thống thông tin, thống kê, chế độ báo cáo định kỳ chưa thống nhất, độ tin cậy chưa cao đặc biệt từ cơ sở đã ảnh hưởng đến hiệu quả công tác. Khả năng đáp ứng các dịch vụ bảo vệ trẻ em còn hạn chế, chưa có phân công trách nhiệm rõ ràng.

Ngoài ra còn có nguyên nhân quan trọng của những tồn tại trên đó là một số gia đình chưa thấy hết trách nhiệm trong việc quản lý, giáo dục con em, thiếu kỹ năng cần thiết để bảo vệ trẻ em để không bị lạm dụng, xâm hại.

## **6. Bài học kinh nghiệm**

- Cần làm tốt công tác tuyên truyền vận động xã hội để nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt về công tác BVCSTE.

- Việc thực hiện các chính sách cho trẻ em, mục tiêu vì trẻ em cần có cơ chế rõ ràng, bắt buộc về nguồn ngân sách đảm bảo ở từng cấp. Coi trọng mọi nguồn lực cả trong và ngoài nước.

- Sự nghiệp BVCSTE là công việc của toàn xã hội, liên quan đến việc thực hiện của nhiều ngành; do đó công tác phối hợp liên ngành hết sức quan trọng cả về việc điều phối, lồng ghép phối hợp hoạt động, kiểm tra giám sát, trao đổi thông tin...

- Tăng cường công tác giám sát, đặc biệt là giám sát của Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp, giám sát liên ngành đối với việc thực hiện các chính sách dành cho trẻ em.

- Phải xây dựng được một hệ thống cộng tác viên, tình nguyện viên về BVCS trẻ em tại từng thôn bản, cụm dân cư mới chủ động và trực tiếp thực hiện có hiệu quả hoạt động bảo vệ trẻ em. Từ đó xây dựng hệ thống thông tin toàn diện, đầy đủ và cập nhật kịp thời giúp cho việc quản lý.

**Phần II**  
**NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ TRẺ EM**  
**GIAI ĐOẠN 2011 - 2015**

**I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

- Căn cứ Chỉ thị 1408/CT-TTg ngày 01/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em;
- Căn cứ Quyết định 267/QĐ-TTg ngày 22/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011-2015.
- Căn cứ Công văn số 637/LĐTBXH-BVCSTE ngày 9/3/2011 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch triển khai Quyết định số 267/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

**II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Tạo dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực. Trợ giúp, phục hồi kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, tạo cơ hội để các em được tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- 95% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc giúp đỡ thường xuyên; trong đó có 90% trẻ em khuyết tật nặng, 100% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, trẻ bị bỏ rơi được chăm sóc.
- 70% trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt được can thiệp để giảm thiểu, loại bỏ nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.
- 100% trẻ em bị nhiễm HIV/AIDS trong diện quản lý được chẩn đoán, điều trị các bệnh có liên quan đến HIV/AIDS;
- 80% trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS được chăm sóc, tư vấn thích hợp, tiếp cận với giáo dục hoặc được hỗ trợ học nghề, hưởng các chính sách xã hội theo quy định hiện hành.
- 50% các huyện, thị, thành phố xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

**III. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

**1. Đối tượng của chương trình:**

Trẻ em, ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực. Người chưa thành niên từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi vi phạm pháp luật.

**2. Phạm vi của chương trình:** Chương trình được thực hiện trong phạm vi toàn tỉnh, ưu tiên địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

**3. Thời gian thực hiện:**

Chương trình được thực hiện từ năm 2011 đến năm 2015.

**4. Điều chỉnh bổ sung Chương trình:**

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011- 2015 có điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với sự hướng dẫn của các cơ quan cấp trên, sự chỉ đạo điều hành của Chính phủ, hướng dẫn Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và điều kiện cụ thể của tỉnh Yên Bái.

#### **IV. CÁC NỘI DUNG CHỦ YẾU**

##### **1. Dự án 1: Truyền thông, giáo dục, vận động xã hội**

###### **1.1. Mục tiêu**

- Mục tiêu của Dự án: 90% gia đình, nhà trường, cộng đồng xã hội và trẻ em được nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi về bảo vệ trẻ em (BVTE).

###### **1.2. Phạm vi**

- Phạm vi thực hiện dự án: Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh; ưu tiên các địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

1.3. Nội dung: Tổ chức các chiến dịch truyền thông nhằm thu hút sự quan tâm và thay đổi về nhận thức của toàn xã hội đối với công tác BVTE. Gồm:

###### **1.3.1. Tổ chức các chiến dịch truyền thông.**

Hàng năm tổ chức các chiến dịch truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và tổ chức các sự kiện quan trọng nhằm thúc đẩy sự thay đổi nhận thức và hành vi của toàn xã hội đối với công tác BVCSTE.

1.3.2. Nghiên cứu, xây dựng, phát triển, sản xuất các ấn phẩm truyền thông về BVCSTE và phát triển hệ thống BVTE, phục vụ cho các địa phương triển khai thí điểm và các xã thực hiện mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

Xây dựng các thông điệp, chương trình phát trên các đài truyền hình, phát thanh tỉnh và địa phương. Xây dựng các tờ rơi, tờ gấp, cẩm nang về BVTE và phòng chống các hình thức xâm hại trẻ em. Các gương điển hình tiến tiến của các tập thể và các nhân - những người yêu trẻ; về các địa phương trong việc thực hiện tốt công tác BVCSTE.

###### **1.3.3. Tổ chức các hoạt động truyền thông, trực tiếp tại cộng đồng**

Xây dựng các nội dung tuyên truyền phát trên hệ thống loa phóng thanh cấp xã. Xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển hoạt động truyền thông ở cấp cơ sở. Tổ chức các hoạt động truyền thông trên các phương tiện truyền thông hiện có của cấp xã. Tổ chức các hoạt động truyền thông, vận động tại gia đình, cộng đồng, nhà trường. Tổ chức các hoạt động truyền thông của nhóm trẻ em nòng cốt.

1.4. Cơ quan thực hiện: Sở Lao động- Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo tỉnh ủy, Sở Giáo dục và đào tạo, Sở Thông tin truyền thông, Báo Yên Bái, Đài phát thanh và truyền hình và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

##### **2. Dự án 2: Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác BVCSTE, cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE.**

###### **2.1. Mục tiêu:**

- 100% cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện làm công tác BVCSTE được nâng cao năng lực về quản lý và thực hiện các chương trình kế hoạch về BVCSTE.



- 50% cán bộ bảo vệ chăm sóc trẻ em cấp xã và cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em ở thôn, bản được nâng cao năng lực về bảo vệ trẻ em.

## 2.2. Phạm vi thực hiện:

Thực hiện trên địa bàn toàn tỉnh, ưu tiên địa phương có nhiều trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em có nguy cơ cao rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; hai huyện nghèo và các xã đặc biệt khó khăn.

2.3 Nội dung: Khảo sát nhu cầu, xây dựng chương trình và tổ chức tập huấn bồi dưỡng; kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả tập huấn. Cụ thể các hoạt động sau:

- Tổ chức các lớp tập huấn cho các giảng viên nguồn và cho cán bộ làm công tác BVCSTE;

- Xác định các nhóm đối tượng đào tạo (giảng viên nguồn- TOT, cán bộ cấp tỉnh, cấp huyện, xã);

- Nội dung đào tạo tập trung vào 3 nhóm kiến thức chủ yếu:

+ Kiến thức chung về công tác xã hội với trẻ em;

+ Kỹ năng thực hành BVTE theo những tiêu chuẩn tốt nhất;

+ Kiến thức luật pháp, chính sách về quyền trẻ em; quản lý nhà nước về BVCSTE.

2.4. Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương và Xã hội chủ trì và phối hợp với Sở Nội vụ và Ủy ban nhân dân các huyện, thị, thành phố.

## 3. Dự án 3: Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

3.1. Mục tiêu: Thành lập Trung tâm công tác xã hội bảo vệ trẻ em cấp tỉnh; Ban điều hành và nhóm công tác liên ngành bảo vệ trẻ em cấp huyện; Văn phòng tư vấn trẻ em cấp huyện tại thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ; Ban bảo vệ trẻ em cấp xã, điểm tư vấn ở cộng đồng, trường học; mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở thôn, xóm, bản, cụm dân cư của 24 xã thuộc thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ.

### 3.2. Phạm vi thực hiện:

Dự án được thực hiện trên phạm vi cấp tỉnh, 24 xã, phường của thành phố Yên Bái và thị xã Nghĩa Lộ.

### 3.3. Nội dung:

- Thành lập và triển khai các hoạt động của Hệ thống bảo vệ trẻ em gồm: Ban chỉ đạo, nhóm công tác liên ngành cấp tỉnh, huyện; Ban BVCSTE cấp xã, mạng lưới cộng tác viên thôn bản, nhóm trẻ em nòng cốt.

- Tổ chức các loại hình dịch vụ bảo vệ trẻ em ở các địa phương: Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh; Văn phòng tư vấn cấp huyện, điểm tư vấn cộng đồng ...

- Tổ chức tập huấn và bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thực hành cho đội ngũ cán bộ làm việc trong hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.

- Tổ chức các hoạt động cung cấp và kết nối dịch vụ bảo vệ trẻ em như bảo đảm sự an toàn cho trẻ em; tư vấn, tham vấn, trị liệu phục hồi tâm lý, thể chất cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực.

- Trợ giúp nâng cao năng lực cho cha mẹ, người chăm sóc trẻ em, cộng đồng bảo vệ trẻ em, kỹ năng làm cha mẹ, nâng cao kỹ năng tự bảo vệ cho trẻ em.

- Tổ chức khảo sát học hỏi kinh nghiệm về hệ thống bảo vệ trẻ em, hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em.



3.4. Cơ quan thực hiện: Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Sở Giáo dục, sở Y Tế, Sở Tư Pháp, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái và Thị xã Nghĩa Lộ.

#### **4. Dự án 4: Xây dựng và nhân rộng các mô hình trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt dựa vào cộng đồng**

##### 4.1. Mục tiêu:

- 90% cho trẻ em khuyết tật tại vùng dự án được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chỉnh hình và phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng.

- 100% số trẻ em bị bỏ rơi, bị mồ côi do cha mẹ chết vì AIDS, tai nạn thương tích, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khác tại vùng dự án được chăm sóc.

- Hàng năm giảm 10% trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục và bị buôn bán so với năm trước; 100% trẻ em bị bạo lực, bị xâm hại tình dục và bị buôn bán và được can thiệp, trợ giúp.

- 70% trẻ em có nguy cơ lao động nặng nhọc, độc hại nguy hiểm được giúp đỡ.

4.2. Phạm vi thực hiện: Dự án được thực hiện trên địa bàn 58 xã thuộc 2 huyện Văn Chấn, Văn Yên của tỉnh.

##### 4.3. Nội dung: Gồm 4 mô hình

- Mô hình thứ nhất: Mô hình trợ giúp trẻ em mồ côi; trẻ em khuyết tật; trẻ em nhiễm HIV/AIDS dựa vào cộng đồng (bao gồm cả nhóm trẻ em có nguy cơ cao).

- Mô hình thứ hai: Duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em lang thang, trẻ em phải làm việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại dựa vào cộng đồng.

- Mô hình thứ ba: Duy trì và nhân rộng mô hình phòng ngừa, trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục, bị bạo lực dựa vào cộng đồng (bao gồm cả nhóm trẻ em có nguy cơ cao).

- Mô hình thứ tư: Mô hình phòng ngừa, trợ giúp người chưa thành niên vi phạm pháp luật dựa vào cộng đồng.

Hoạt động chủ yếu của các mô hình: tư vấn, tham vấn, phục hồi tâm lý cho trẻ em; trợ giúp trẻ em tiếp cận dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí và phúc lợi xã hội khác để hòa nhập cộng đồng; tập huấn kỹ năng bảo vệ trẻ em cho cha mẹ; người chăm sóc trẻ em; tập huấn kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo cho trẻ em; trợ giúp hướng nghiệp, dạy nghề, tạo việc làm phù hợp cho trẻ em và gia đình.

4.4 Cơ quan thực hiện: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Tư pháp, Tòa án tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các cơ quan liên quan và Ủy ban nhân dân 02 huyện Văn Chấn, Văn Yên thực hiện mô hình thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện mô hình thứ tư.

#### **5. Dự án 5: Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về BVCSTE.**

5.1. Mục tiêu của Dự án: Rà soát, đánh giá tình hình thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo hướng thân thiện với trẻ em một cách toàn diện. Tăng cường nhận thức và năng lực về tư pháp cho đội ngũ cán bộ thực thi pháp luật, cán bộ làm việc với người chưa

thành niên là nạn nhân, nhân chứng, người chưa thành niên vi phạm pháp luật. Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, làm cơ sở để đánh giá tình hình thực hiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, chăm sóc trẻ em và Công ước quốc tế về quyền trẻ em.

5.2. Nội dung của Dự án:

- Tiêu dự án 1: Tham gia nghiên cứu, đề xuất hệ thống tư pháp, chính sách đối với người chưa thành niên.

- Tiêu dự án 2: Đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về BVCSTE để đề xuất sửa đổi, bổ sung.

- Tiêu dự án 3: Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

5.3. Cơ quan thực hiện: Sở Lao động Thương và xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện tiêu dự án 2 và 3.

Sở Tư pháp chủ trì thực hiện tiêu dự án 1.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Chương trình được huy động từ các nguồn vốn: ngân sách trung ương; ngân sách địa phương; vốn viện trợ quốc tế; vốn huy động xã hội, cộng đồng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Dự kiến kinh phí kế hoạch cả giai đoạn 2011- 2015:

Tổng số: **25.260.000.000đ** (Hai mươi lăm tỷ hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Trong đó chia ra các nguồn:

- Kinh phí trung ương (Chương trình quốc gia bảo vệ trẻ em+ vốn viện trợ): 18.760.000.000đ (mười tám tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng). Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 5.000.000.000 đồng để xây dựng Trung tâm công tác xã hội trẻ em cấp tỉnh.

+ Vốn sự nghiệp: 13.760.000.000 đ

- Ngân sách địa phương (bao gồm cả nguồn vận động của Quỹ Bảo trợ trẻ em các cấp hỗ trợ): 6.500.000.000đ (Sáu tỷ năm trăm triệu đồng).

Trong đó dự kiến vốn đầu tư phát triển là 2.000.000.000 đồng để xây dựng Văn phòng tư vấn trẻ em tại 2 huyện (nếu tỉnh được Trung ương đầu tư thành lập Trung tâm công tác xã hội với trẻ em, thì ngân sách địa phương đầu tư 2 văn phòng tư vấn cấp huyện để kết nối thành hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em hoàn chỉnh).

*Có phụ lục chi tiết từng dự án hàng năm kèm theo*

#### **V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ Đảng, chính quyền và địa phương thông qua việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành, phê duyệt kế hoạch, chương trình, bố trí nguồn lực, nhân lực.

Nâng cao năng lực trong việc xây dựng chính sách, xây dựng kế hoạch hàng năm và thực hiện chính sách và kế hoạch; xây dựng và quản lý các chương trình, dự án BVCSTE. Gắn kết việc giải quyết các vấn đề cơ bản của trẻ em với việc giải quyết các chiến lược, chương trình phát triển kinh tế xã hội. Đẩy mạnh việc thực hiện các tiêu chuẩn và công nhận xã phường phù hợp với trẻ em theo hệ thống chỉ tiêu ban hành tại Quyết định 37/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ động huy động có hiệu quả mọi nguồn lực có thể được để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ BVCSTE. Xã hội hóa công tác BVCSTE. Vận động và tạo

cơ hội cho sự tham gia tích cực của các tổ chức đoàn thể, các tổ chức xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế để giải quyết các nhu cầu bức xúc và bảo đảm các quyền của trẻ em.

3. Tăng cường sự phối hợp liên ngành để thực hiện có hiệu quả các mục tiêu vì trẻ em.

Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ BVCSTE hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ theo kế hoạch 5 năm của các cấp, các ngành; của cấp ủy đảng và hội đồng nhân dân các cấp.

4. Chủ động nghiên cứu khoa học để ứng dụng vào việc hoàn thiện luật pháp, chính sách, các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hình thành các chương trình, dự án BVCSTE có cơ sở khoa học và thực tiễn.

5. Cùng cố tổ chức bộ máy, cán bộ và hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về BVCSTE. Phát triển hệ thống BVTE dựa vào cộng đồng để giải quyết có hiệu quả các vấn đề của trẻ em.

## **VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn thực hiện và điều phối các hoạt động của chương trình, chủ trì quản lý và tổ chức thực hiện dự án đã được phân công trong Chương trình theo quy định hiện hành; nghiên cứu xây dựng mạng lưới đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên tham gia công tác BVCSTE ở cơ sở;

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức tổng kết việc thực hiện Chương trình vào cuối năm 2015.

### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các sở, ban ngành liên quan bố trí nguồn lực từ ngân sách, vận động các nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho các chương trình, dự án về bảo vệ, chăm sóc trẻ em; đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo vệ, chăm sóc trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm ở cấp tỉnh; hướng dẫn việc đưa các mục tiêu, chỉ tiêu về BVCSTE vào việc xây dựng và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

### **3. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng ngân sách nhà nước, bố trí kinh phí thực hiện chương trình trong dự toán ngân sách hàng năm của các cơ quan cấp tỉnh và địa phương theo quy định của pháp luật về ngân nhà nước; chủ trì hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình.

### **4. Sở Giáo dục và Đào tạo**

Chủ trì chỉ đạo xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, không có bạo lực; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; xây dựng các chương trình ngoại khóa giáo dục kỹ năng sống cho trẻ em, kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho học sinh trong nhà trường, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về BVCSTE cho cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.



## **5. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh và đổi mới các hoạt động truyền thông, giáo dục về chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về BVCSTE. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, thông tin trên internet dành cho trẻ em và liên quan đến trẻ em, xử lý nghiêm những hành vi sản xuất, phát hành các ấn phẩm, sản phẩm thông tin dành cho trẻ em có những nội dung đồi trụy, kích động bạo lực.

## **6. Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp tăng cường hướng dẫn tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh cho trẻ em; thanh tra, kiểm tra và quản lý chặt chẽ các sản phẩm văn hoá, dịch vụ vui chơi, giải trí dành cho trẻ em.

## **7. Sở Y tế**

Chủ trì, phối hợp chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả chính sách khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em của hộ gia đình nghèo, phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật, thực hiện thí điểm một số loại hình dịch vụ y tế hỗ trợ khẩn cấp cho trẻ em bị xâm hại tình dục, trẻ em bị bạo lực.

## **8. Sở Nội vụ**

Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND huyện, thị, thành phố lập kế hoạch hàng năm về biên chế công chức, viên chức làm công tác BVCSTE; hướng dẫn địa phương bố trí người làm công tác BVCSTE ở xã, phường, thị trấn; đề xuất nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống dịch vụ bảo vệ trẻ em trong gia đình, mạng lưới tình nguyện viên thôn bản.

## **9. Sở Tư pháp**

Chủ trì, phối hợp tăng cường hướng dẫn, thường xuyên đối với tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý cho trẻ em; tăng cường thực hiện chức năng quản lý nhà về công tác nuôi con nuôi. Chủ trì thực hiện tiểu dự án về tham gia nghiên cứu, đề xuất hệ thống tư pháp, chính sách cho người chưa thành niên.

## **10. Công an tỉnh**

Chủ trì, phối hợp lồng ghép triển khai chương trình Bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 – 2015 với Chương trình mục tiêu quốc gia phòng chống tội phạm giai đoạn 2011 – 2015 sau khi được phê duyệt.

## **11. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Yên Bái và các cơ quan thông tin đại chúng.**

Tăng thời lượng phát sóng, số lượng các chuyên mục tin, bài và nâng cao chất lượng tuyên truyền về BVCSTE

## **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

Xây dựng Chương trình Bảo vệ trẻ em của địa phương, bố trí kinh phí và chỉ đạo các ban, ngành đoàn thể cùng cấp triển khai thực hiện Chương trình có hiệu quả; lồng ghép việc thực hiện có hiệu quả Chương trình này với chương trình khác có liên quan trên địa bàn; tiếp tục xây dựng xã phường phù hợp với trẻ em; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ việc thực hiện Chương trình.

**13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội phụ nữ, Đoàn Thanh niên và tổ chức đoàn thể thành viên** trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia



tổ chức triển khai Chương trình; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ, chăm sóc trẻ em trong tổ chức mình; tham gia xây dựng chính sách, pháp luật, quản lý Nhà nước, giám sát thực hiện pháp luật về bảo vệ, chăm sóc trẻ em.

## **VII. ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

Chương trình triển khai thực hiện sẽ đạt được những hiệu quả mang tính hiệu quả và lâu dài sau:

- Tạo dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh mà ở đó tất cả trẻ em đều được bảo vệ. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu, loại bỏ các nguy cơ gây tổn hại cho trẻ em, giảm thiểu tình trạng trẻ em rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, trẻ em bị bạo lực. Trợ giúp, phục hồi kịp thời cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em bị xâm hại, bị bạo lực, tạo cơ hội để các em được tái hòa nhập cộng đồng và bình đẳng về cơ hội phát triển.

- Tạo sự quan tâm lãnh đạo và tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp có liên quan trong việc bảo vệ trẻ em.

- Làm chuyển biến sâu sắc nhận thức của các cấp, các ngành, các tổ chức, đơn vị và nhân dân về công tác bảo vệ trẻ em.

- Từng bước tăng cường, củng cố và hoàn thiện hóa mạng lưới tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em từ tuyến tỉnh đến cơ sở.

- Đảm bảo bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng trong tương lai sẽ tạo điều kiện cho phát triển kinh tế xã hội bền vững của địa phương, trong đó yếu tố phát triển con người là yếu tố then chốt./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Phạm Thị Thanh Trà**

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH BẢO VỆ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2011-2015

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	Năm		2011		2012		2013		2014		2015		
		Tổng	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP	TW	ĐP		
1	<b>Dự án 1:</b> Truyền thông, giáo dục vận động xã hội.	1.400			250	50	250	50	250	50	200	50	200	50
2	<b>Dự án 2:</b> Nâng cao năng lực cán bộ BVCSTE	1.850	500	2.350	400	100	400	100	350	100	350	100	350	100
3	<b>Dự án 3:</b> Xây dựng và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ Bảo vệ, chăm sóc trẻ em	7.000	3.500	10.500	2.400	1.000	2.400	1.000	1.400	500	400	500	400	500
4	<b>Dự án 4:</b> Xây dựng và nhân rộng mô hình trợ giúp trẻ em có HCĐBKK													
4.1	Mô hình trợ giúp trẻ em bị bỏ rơi, mồ côi, khuyết tật	2.200	800	3.000	500	100	500	100	400	200	400	200	400	200
4.2	Mô hình trẻ em bị xâm hại tình dục, bạo lực	1.100	400	1.500	200	50	200	50	200	100	250	100	250	100
4.3	Mô hình trợ giúp trẻ em lang thang, lao động nặng nhọc	1.600	400	2.000	400	50	300	50	300	100	300	100	300	100
4.4	Mô hình phòng ngừa trợ giúp người chưa thành niên VPPL dựa vào cộng đồng	360	-	360	50	-	50	-	70	-	90	-	100	-
5	<b>Dự án 5:</b> Nâng cao hiệu quả QLNN về BVCSTE	-	-	-										
5.1	Tham gia nghiên cứu, đề xuất hệ thống chính sách cho người chưa thành niên	150	-		50	-	50	-	50	-	-	-	-	-
5.2	Rà soát, đánh giá về BVTE.	750	250	1.000	150	50	150	50	150	50	150	50	150	50
5.3	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành BVCSTE	2.600	400	3.000	500	50	500	50	500	100	550	100	550	100
	<b>Tổng kinh phí</b>	<b>18.760</b>	<b>6.500</b>	<b>25.260</b>	<b>4.900</b>	<b>1.450</b>	<b>4.800</b>	<b>1.450</b>	<b>3.670</b>	<b>1.200</b>	<b>2.690</b>	<b>1.200</b>	<b>2.700</b>	<b>1.200</b>